

Bản án số 157/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 - 2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/20265/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nga M, sinh năm 1987; CCCD 094187015385; địa chỉ cư trú: k8, phường VT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc Y, sinh năm 19873; địa chỉ cư trú: ấp MĐ B, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị Nga M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Y kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2022. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ tháng 01/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 01/2024. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 02/11/2013, Nguyễn Khánh V1, sinh ngày 09/11/2021 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 08/10/2024. Hiện cháu Ngọc V và Ánh N đang sống cùng chị, còn cháu

Khánh V1 đang sống cùng anh Y. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Ngọc V và Ánh N, đồng ý giao cháu Khánh V1 cho anh Y nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 20/4/2026, anh Nguyễn Quốc Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Khánh V1, bởi vì cháu đang sống ổn định với anh; anh đồng ý giao cháu Ngọc V và Ánh N cho chị M nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Nga M khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Quốc Y là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị M, anh Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh Y.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2013, chị M với anh Y kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh Y được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh Y đồng ý.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Ngọc V mới hơn 12 tuổi và cháu Ánh N đã hơn 18 tháng tuổi hiện đang sống chung với chị M. Còn cháu Khánh V1 đã hơn 04 tuổi hiện đang sống chung với anh Y. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi cháu Ngọc V và Ánh N, đồng ý giao cháu Khánh V1 cho anh Y nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Anh Y đồng ý.

Xét thấy: Cháu Ánh N hiện dưới 36 tháng tuổi, đang sống chung với chị M. Cháu Khánh V1 đã hơn 04 tuổi hiện đang sống ổn định với anh Y. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Ngọc V thì cháu muốn được sống chung với chị M khi cha mẹ ly hôn. Thấy rằng: Hiện chị M, anh Y có công việc tạo nguồn thu nhập ổn định để đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, anh Y về con chung.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị M, anh Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị M đồng ý chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Nga M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Nga M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 02/11/2013 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 08/10/2024 cho chị Lê Thị Nga M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Nguyễn Khánh V1, sinh ngày 09/11/2021 cho anh Nguyễn Quốc Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Chị Lê Thị Nga M, anh Nguyễn Quốc Y không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Thị Nga M đồng ý chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 350.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003218 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị Lê Thị Nga M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- UBND xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

